

NỘI DUNG BÀI HỌC TRỰC TUYẾN

(Tuần 9 từ 1/11 đến 5/11)

KHỐI 9

NGƯỜI KỂ CHUYỆN TRONG VĂN BẢN TỰ SỰ

I. VAI TRÒ CỦA NGƯỜI KỂ TRONG VĂN BẢN TỰ SỰ

1. Ví dụ: Đoạn trích “Lặng lẽ Sa Pa”

a. Chuyện kể: Ông họa sĩ già, anh thanh niên, cô kỹ sư

- Sự việc: Kể về phút chia tay

b. Người kể chuyện: Không xuất hiện, không phải là một trong ba nhân vật.

→ Vì trong đoạn truyện: Các nhân vật là đối tượng miêu tả một cách khách quan.
Nếu người kể là một trong hai người thì phải chuyển đổi ngôi kể (xưng “tôi” hoặc xưng tên một trong ba nhân vật)

c. Những câu văn:

1. Giọng cười nhưng đầy tiếc rẻ.

2. Nhưng người con gái sắp xa ta... như vậy.

→ Là nhận xét của người kể chuyện về anh thanh niên và suy nghĩ của anh ta.
Nhưng vẫn là câu trần thuật của ng kể (câu 2) người kể nói hộ anh thanh niên là tiếng lòng của rất nhiều người trong tình huống đó.

d. Người kể câu chuyện ở đây giương như thấy hết và biết hết mọi vật, mọi người, mọi hành động, tâm tư tình cảm của các nhân vật.

2. Ghi nhớ: SGK/193

II. LUYỆN TẬP

Làm BT1/SGK/193-194

VIẾT NGẮN

Đề bài: Em hãy viết đoạn văn ngắn khoảng 300 chữ trình bày suy nghĩ của em về câu nói: *“Tình thương là hạnh phúc của con người”*.

1. Mở đoạn:

- Giới thiệu vấn đề cần nghị luận: “Tình thương là hạnh phúc của con người”.

2. Thân đoạn:

a. Giải thích ý nghĩa nội dung câu nói

- Tình thương là một trong những giá trị tinh thần, tình cảm tốt đẹp của con người và được thể hiện qua việc biết quan tâm, sẻ chia, giúp đỡ người khác vượt qua những khó khăn, hoạn nạn trong cuộc sống.
- “Tình thương là hạnh phúc của con người”: Câu nói đã khẳng định sức mạnh của tình yêu thương và khẳng định đó là một trong những cội nguồn đem đến hạnh phúc cho con người.

b. Bàn luận, chứng minh câu nói

- Tình yêu thương sẽ giúp con người mở lòng lắng nghe, thấu hiểu và sẻ chia những khó khăn, hoạn nạn trong cuộc sống.
- Tình yêu thương đem lại hạnh phúc cho người cho đi và người nhận.
- Tình yêu thương giúp con người tránh xa lối sống vô cảm, thờ ơ, vị kỉ.

c. Mở rộng vấn đề

- Lên án, phê phán những con người có lối sống vô tâm, thờ ơ trong xã hội.

d. Bài học nhận thức và hành động

3. Kết đoạn:

- Khẳng định lại tính đúng đắn của vấn đề đã bàn luận. Liên hệ bản thân.

CHƯƠNG TRÌNH ĐỊA PHƯƠNG

(PHẦN TIẾNG VIỆT + PHẦN VĂN)

(Hướng dẫn học sinh tự học)

A. Hướng dẫn học sinh tự học

NỘI DUNG	GHI CHÚ
CHƯƠNG TRÌNH ĐỊA PHƯƠNG (Tiếng Việt)	
Hoạt động 1: <i>Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu.</i>	<u>Yêu cầu cần đạt:</u> Hiểu được sự khác biệt giữa phương ngữ mà học sinh đang sử dụng với các phương ngữ khác và với ngôn ngữ toàn dân thể hiện qua những từ ngữ chỉ sự vật, hoạt động, trạng thái, đặc điểm, tính chất,... <u>Hoạt động</u> ▪ Ôn tập về từ địa phương - Em hãy suy nghĩ và lần lượt trả lời các câu hỏi sau: + Thế nào là từ địa phương? + Từ ngữ địa phương có mặt tích cực và hạn chế gì khi giao tiếp? Khi sử dụng từ ngữ địa phương cần lưu ý điều gì? ▪ Thực hành - Em hãy đọc kỹ các yêu cầu trong mục 1 (SGK/175) và hoàn thành các nội dung: + Tìm các sự vật, hiện tượng,.. chỉ xuất hiện ở phương ngữ em đang sử dụng mà không có ở phương ngữ khác hay ngôn ngữ toàn dân + Tìm từ đồng nghĩa nhưng khác về âm của phương ngữ em đang sử dụng với những từ ngữ trong các phương ngữ khác hoặc ngôn ngữ toàn dân

	+ Tìm từ đồng âm nhưng khác về nghĩa của phương ngữ em đang sử dụng với những từ ngữ trong các phương ngữ khác hoặc ngôn ngữ toàn dân - Em hãy cho biết sự xuất hiện của những từ ngữ chỉ xuất hiện ở phương ngữ em đang sử dụng mà không có ở phương ngữ khác hay ngôn ngữ toàn dân đã thể hiện tính đa dạng về điều kiện tự nhiên và đời sống xã hội trên các vùng miền của đất nước ta như thế nào?								
Hoạt động 2: Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học	Qua sự tìm hiểu về từ ngữ địa phương, em hãy cho biết suy nghĩ của mình về ngôn ngữ dân tộc. Hãy trình bày bằng đoạn văn ngắn (8-10 câu) theo hướng quy nạp với chủ đề “Tiếng Việt là thứ ngôn ngữ giàu có”								
CHƯƠNG TRÌNH ĐỊA PHƯƠNG (Văn)									
Hoạt động 1: Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu.	Yêu cầu cần đạt: Biết được một vài tác giả đang sống và sáng tác văn học ở địa phương; sưu tầm và chép lại một số tác phẩm hay viết về địa phương được sáng tác trong những năm gần đây. Bước đầu có thái độ quý trọng và tự hào đối với văn học địa phương Hoạt động - Em hãy tìm và thống kê tác giả văn học địa phương có những tác phẩm được công bố từ những năm 2000 đến nay <table><tr><td>STT</td><td>Họ tên</td><td>Bút danh</td><td>Tác phẩm chính</td></tr><tr><td></td><td></td><td></td><td></td></tr></table> - Em hãy sưu tầm và ghi lại một số tác phẩm hay viết về địa phương → Hướng dẫn cách sưu tầm:	STT	Họ tên	Bút danh	Tác phẩm chính				
STT	Họ tên	Bút danh	Tác phẩm chính						

	+ Tìm hỏi người địa phương, người thân, người lớn tuổi, các nghệ nhân, ... + Tìm trong sách báo địa phương + Tìm trong bộ sưu tập những tác phẩm hay trong thời đại
Hoạt động 2: <i>Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học</i>	Em hãy viết đoạn văn ngắn giới thiệu và nêu cảm nghĩ của em về một trong những tác phẩm viết về địa phương mà em sưu tầm được trong đoạn văn ngắn (8-10 câu)

B. Thắc mắc của học sinh

MÔN HỌC	NỘI DUNG HỌC TẬP	CÂU HỎI CỦA HỌC SINH
Ngữ văn	Mục	

TỔNG KẾT VỀ TỪ VỰNG

TỔNG KẾT VỀ TỪ VỰNG (tiếp theo)

TỔNG KẾT VỀ TỪ VỰNG – LT TỔNG HỢP

(Hướng dẫn học sinh tự học)

A. Hướng dẫn học sinh tự học

NỘI DUNG	GHI CHÚ				
TỔNG KẾT VỀ TỪ VỰNG					
Hoạt động 1: <i>Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu.</i>	<u>Yêu cầu cần đạt:</u> Củng cố kiến thức từ vựng (từ đơn và từ phức, thành ngữ, từ đồng âm, từ đồng nghĩa, từ trái nghĩa,...)				
	<u>Hoạt động:</u>				
	- Nhớ lại các kiến thức đã học về từ vựng và em hãy điền đầy đủ thông tin để hoàn thành bảng sau:				
		Khái niệm	Phân loại	Ghi chú	
	Từ đơn				
	Từ phức				
	Từ đồng âm				
	Từ đồng nghĩa				
	Từ trái nghĩa				
	Thành ngữ				
	Hoạt động 2: <i>Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học</i>	- Em hãy hoàn tất các bài tập ở các mục I, II, V, VI, VII/ SGK/ 122-125			

TỔNG KẾT VỀ TỪ VỰNG (tiếp theo)				
Hoạt động 1: <i>Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu.</i>	<u>Yêu cầu cần đạt:</u> Củng cố kiến thức từ vựng (thuật ngữ và biệt ngữ xã hội, trau dồi vốn từ, từ tượng thanh và từ tượng hình,...)			
	<u>Hoạt động:</u> - Nhớ lại các kiến thức đã học về từ vựng và em hãy điền đầy đủ thông tin để hoàn thành bảng sau:			
		Khái niệm/ Hình thức	Ví dụ	Ghi chú
	Thuật ngữ			
	Biệt ngữ xã hội			
	Từ tượng thanh			
	Từ tượng hình			
Trau dồi vốn từ				
Hoạt động 2: <i>Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học</i>	- Em hãy hoàn tất các bài tập ở các mục IV, V/ SGK/ 136 - Em hãy hoàn tất các bài tập ở các mục I/ SGK/ 146			
TỔNG KẾT VỀ TỪ VỰNG – LUYỆN TẬP TỔNG HỢP				
Hoạt động 1: <i>Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu.</i>	<u>Yêu cầu cần đạt:</u>			
	- Nhận diện được các từ vựng, các biện pháp tu từ từ vựng trong văn bản			
	- Phân tích tác dụng của việc lựa chọn, sử dụng từ ngữ và biện pháp tu từ trong văn bản			
	- Yêu thích môn học, có ý thức giữ gìn sự trong sáng của Tiếng Việt.			
	<u>Hoạt động:</u>			

	- Em hãy đọc kỹ các yêu cầu của các bài tập trong SGK/158-160 và hoàn thành vào tập: <i>BT1: So sánh hai dị bản của câu ca dao</i> + Tìm nghĩa và sắc thái biểu cảm của hai từ “gật đầu”, “gật gù” để thấy được sự khác biệt <i>BT2: Nhận xét cách hiểu của nhân vật người vợ</i> + Chỉ ra từ ngữ gây hiểu lầm + Cho biết nghĩa của từ đó qua lời người chồng. Từ đó được sử dụng theo nghĩa gốc hay nghĩa chuyển + Cách hiểu của người vợ theo nghĩa nào? <i>BT3: Đọc đoạn thơ và cho biết</i> + Những từ “vai, tay, chân, đầu, miệng” được sử dụng theo nghĩa gốc hay nghĩa chuyển? + Phương thức chuyển nghĩa nào được sử dụng? <i>BT4: Đọc đoạn thơ và cho biết</i> + Trường từ vựng được sử dụng + Chỉ ra cái hay, độc đáo của trường từ vựng khi áp dụng vào đoạn thơ <i>BT5: Hãy tìm 05 ví dụ về những sự vật, hiện tượng được đặt tên theo cách dựa vào đặc điểm riêng biệt của chúng</i> <i>BT6: Đọc truyện cười và cho biết</i> + Câu chuyện trên phê phán điều gì? + Nguyên nhân gây cười ở chỗ nào? + Nhận xét cách sử dụng từ ngữ của người chồng
Hoạt động 2: Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học	- Em hãy lập bảng thống kê về các biện pháp tu từ từ vựng xuất hiện trong các bài tập trên theo bảng sau:

	Biện pháp tu từ	Khái niệm	Phân loại	Ghi chú

B. Thắc mắc của học sinh

MÔN HỌC	NỘI DUNG HỌC TẬP	CÂU HỎI CỦA HỌC SINH
Ngữ văn	Mục	

TRƯỜNG THCS CHI LĂNG

TỔ NGŨ VĂN

NỘI DUNG BÀI HỌC TRỰC TUYẾN

(Tuần 10 từ 8/11 đến 12/11)

KHỐI 9

ĐOÀN THUYỀN ĐÁNH CÁ

I. ĐỌC – HIỂU CHÚ THÍCH

1. Tác giả Huy Cận (1919 – 2005)

2. Tác phẩm

- Hoàn cảnh sáng tác: bài thơ được sáng tác năm 1958 và in trong tập “Trời mỗi ngày lại sáng” nhân chuyến ông đi thực tế dài ngày ở vùng mỏ Quảng Ninh
- Thể thơ tự do
- Phương thức biểu đạt: Biểu cảm kết hợp miêu tả

II. ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

1. Cảnh đoàn thuyền ra khơi và tâm trạng con người

1.1 Cảnh thiên nhiên

Mặt trời – như hòn lửa

Sóng – cài then

Đêm – sập cửa

- Nghệ thuật:
 - So sánh: mặt trời như quả cầu lửa khổng lồ đang từ từ lặn xuống biển → Cảnh hoàng hôn đẹp rực rỡ, tráng lệ

- Nhân hoá: vũ trụ như ngôi nhà rộng lớn mà màn đêm là tấm cửa, lượn sóng như những then cài cửa. Vũ trụ thiên nhiên là ngôi nhà vĩ đại mà mẹ tạo hoá đã ban tặng cho con người

→ Biển cả hùng vĩ, mênh mông, tráng lệ như thần thoại. Sự sống của biển cả đang dần khép lại đi vào trạng thái nghỉ ngơi trong khi hoạt động của con người mới bắt đầu

1.2 Cảnh đoàn thuyền đánh cá ra khơi

- Đoàn thuyền: lại ra khơi

→ Phó từ “lại” diễn tả hoạt động thường xuyên lặp đi lặp lại

- Khí thế ra khơi phấn chấn “Câu hát căng buồm cùng gió khơi”
 - Ẩn dụ, phép cường điệu khoa trương → Câu hát cùng ngọn gió làm căng buồm cho con thuyền lướt nhanh ra khơi
 - Phép đối lập: thiên nhiên và vũ trụ nghỉ ngơi, con người bắt đầu lao động

→ Tư thế làm chủ cuộc đời của người lao động, con người mang tầm vóc lớn lao trước thiên nhiên biển cả

- Ước mơ của người đánh cá: chuyên đi bình yên, đánh bắt được nhiều cá
- Tiếng hát:
 - Cá bạc, biển lặng
 - Cá thu, đoàn thoi
 - Đêm ngày: dệt biển, dệt lưới

→ Liệt kê, so sánh, nhân hoá, câu cầu khiến: biển thật giàu và đẹp

→ Khát vọng chinh phục thiên nhiên và tâm hồn chan chứa niềm vui, phấn khởi, hăng say lao động.

2. Cảnh hoạt động của đoàn thuyền trên biển ban đêm

- Hình ảnh “Thuyền ta lái gió... lướt...”
 - Bút pháp lãng mạn, hào hùng; động từ “lái”, “lướt”: con thuyền đánh cá vốn nhỏ bé trước biển cả bao la trở thành con thuyền kì

vĩ, khổng lồ với kích thước rộng lớn để hoà nhập với thiên nhiên, vũ trụ

- So sánh, liên tưởng, động từ mạnh liên tiếp “lái, lướt, đậu, dò, dàn” → công việc lao động, nguy hiểm, gian nan, vất vả như một trận chiến đấu thực sự

- Nhiều loài cá từ biển: cá nhụ, cá chim, cá đé, cá song

→ Liên tưởng, liệt kê, so sánh, nhân hoá “em” → Vẻ đẹp lung linh, huyền ảo của biển: sự phong phú đa dạng của các loài cá

- Cách đánh bắt cá: hát gọi cá, gõ thuyền: nhịp trống cao

→ Cảnh vừa thực, vừa lãng mạn, nghệ thuật nhân hoá

→ Khả năng chinh phục thiên nhiên và sức mạnh to lớn của con người

- Biển – như lòng mẹ:

- Hình ảnh so sánh, ẩn dụ → Biển không chỉ đẹp rực rỡ, giàu có mà còn rất huyền bí, ân tình như người mẹ: ca ngợi và biết ơn biển

- Cảnh kéo lưới” “Ta kéo xoắn tay chùm cá nặng”

- Khoẻ khoắn, mạnh mẽ, say sưa, hào hứng → Kết quả lao động tốt đẹp, rực rỡ

→ Miêu tả hài hoà giữa thiên nhiên và con người

3. Cảnh đoàn thuyền đánh cá trở về

- Thời điểm: lúc rạng đông

- “Câu hát căng buồm với gió khơi”, “Đoàn thuyền chạy đua cùng mặt trời”

→ Biện pháp nhân hoá

→ Đoàn thuyền trở về trong cảnh bình minh rực rỡ, huy hoàng cùng niềm vui thắng lợi

III. TỔNG KẾT

Ghi nhớ/SGK/142

SỬA BÀI VIẾT

1. Nhận xét ưu và nhược điểm

(Tuỳ tình hình thực tiễn mỗi lớp)

- Ưu điểm
- Nhược điểm

2. Trả bài, sửa lỗi và giải đáp thắc mắc

Lưu ý các lỗi về chính tả, cách dùng từ, liên kết câu, đoạn và cách hành văn

3. Đọc, so sánh, nhận xét, trình bày ý kiến

4. Củng cố - luyện tập

ÁNH TRẮNG

(Hướng dẫn học sinh tự đọc)

A. Hướng dẫn học sinh tự học

NỘI DUNG	GHI CHÚ
Hoạt động 1: <i>Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu.</i>	<u>Yêu cầu cần đạt:</u> ▪ Vận dụng kiến thức về thể loại và kết hợp các phương thức biểu đạt trong tác phẩm thơ Việt Nam hiện đại ▪ Hiểu được ý nghĩa của hình ảnh vầng trăng, từ đó thấm thía cảm xúc ân tình với quá khứ gian lao, tình nghĩa; biết rút ra bài học về cách sống cho mình <u>Hoạt động</u> ▪ Tìm hiểu tác giả, tác phẩm ▪ Em hãy đọc phần chú thích (SGK/156,157) và thực hiện các yêu cầu: + Chỉ ra đôi nét chính về cuộc đời tác giả + Cho biết hoàn cảnh ra đời, thể loại, bố cục của tác phẩm ▪ Tìm hiểu hình ảnh vầng trăng gắn với tuổi thơ ▪ Em hãy đọc hai khổ thơ đầu văn bản “Ánh trăng” (SGK/155) và trả lời các câu hỏi: + Trăng gắn bó với nhân vật trữ tình trong hoàn cảnh nào? Nhận xét tình cảm giữa người và trăng khi đó. + Nhận xét biện pháp nghệ thuật được sử dụng để khắc họa tình cảm giữa người với trăng + Vì sao khi ấy người cảm nhận trăng là tri kỉ và con người có tình cảm với trăng? Lúc ấy phong cách sống của con người như thế nào?

	+ Qua đó, em có cảm nhận gì về vàng trắng trong quá khứ của nhà thơ? ▪ Tìm hiểu cảm nghĩ về vàng trắng hiện tại - Em hãy đọc hai khổ thơ tiếp theo văn bản “<i>Ánh trăng</i>” (SGK/156) và trả lời các câu hỏi: + Rời xa quân ngũ, người lính về với cuộc sống hiện tại, đó là cuộc sống như thế nào? + Lúc này quan hệ giữa người và trăng như thế nào? (Lưu ý giải thích “người dung”, “người dung qua đường”) + Theo em, tại sao lại có sự lãng quên như thế? + Từ đó, em nhận ra thông điệp của tác giả gửi gắm là gì? + Tình huống nào khiến người và trăng gặp lại, đối diện nhau? + Trong tình huống ấy, vàng trắng hiện lên như thế nào? ▪ Tìm hiểu cảm xúc và suy ngẫm của nhân vật trữ tình - Em hãy đọc hai khổ thơ cuối văn bản “<i>Ánh trăng</i>” (SGK/156) và trả lời các câu hỏi: + Trong tư thế đối diện trăng tròn đầy, vẹn nguyên, con người có cảm xúc như thế nào? + Nguyên nhân nào khiến nhân vật trữ tình xúc động như vậy? + Nhận xét điệp từ “là” gắn với hình ảnh “sông, đồng, bể, rừng” xuất hiện liên tiếp có ý nghĩa gì? + Em có cảm nhận gì về vẻ đẹp của trăng qua hai câu thơ “Trăng cứ tròn vành vạnh/ kể chi người vô tình”? + Ý nghĩa của hai câu thơ cuối là gì? Tại sao nhà thơ lại giật mình? Ý nghĩa của cái giật mình ấy là gì?
--	---

	+ Qua đó, bài thơ nhắc nhở chúng ta điều gì?
Hoạt động 2: <i>Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học</i>	Em hãy tưởng tượng mình là nhân vật trữ tình trong văn bản, hãy diễn tả dòng cảm nghĩ trong bài thơ thành một dòng tâm sự ngắn

B. Thắc mắc của học sinh

MÔN HỌC	NỘI DUNG HỌC TẬP	CÂU HỎI CỦA HỌC SINH
Ngữ văn	Mục	

TẬP LÀM THƠ 8 CHỮ

(Hướng dẫn học sinh tự học)

A. Hướng dẫn học sinh tự học

NỘI DUNG	GHI CHÚ
Hoạt động 1: <i>Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu.</i>	<u>Yêu cầu cần đạt:</u> ▪ Nắm được đặc điểm, khả năng miêu tả, biểu hiện phong phú của thể thơ tám chữ ▪ Bước đầu biết làm loại thơ này ▪ Yêu thích thơ văn, có ý thức phát triển năng khiếu làm thơ <u>Hoạt động</u> ▪ Nhận diện thể thơ 8 chữ ▪ Em hãy đọc các đoạn thơ được trích (SGK/148,149) và thực hiện các yêu cầu: + Nhận xét số chữ trong mỗi dòng thơ + Tìm những chữ có chức năng gieo vần. Nhận xét về cách gieo vần ấy (vần chân, vần lưng, vần liền, vần gián cách) + Nhận xét cách ngắt nhịp ở mỗi đoạn thơ + Rút ra kết luận về đặc điểm thơ 8 chữ ▪ Luyện tập nhận diện thể thơ 8 chữ - Em hãy dựa vào những kiến thức trên và vận dụng thực hiện các BT1,2,3/SGK/150,151 ▪ Thực hành làm thơ 8 chữ - Em hãy dựa vào những kiến thức trên và vận dụng thực hiện các BT1,2/SGK/151

Hoạt động 2: <i>Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học</i>	Em hãy sáng tác một bài thơ 8 chữ với nội dung, vần, nhịp tự chọn
---	---

B. Thắc mắc của học sinh

MÔN HỌC	NỘI DUNG HỌC TẬP	CÂU HỎI CỦA HỌC SINH
Ngữ văn	Mục	

NỘI DUNG BÀI HỌC TRỰC TUYẾN

(Tuần 11 từ 15/11 đến 19/11)

KHỐI 9

LÀNG

I. ĐỌC – HIỂU CHÚ THÍCH

1. Tác giả Kim Lân (1920 – 2007)

2. Tác phẩm

- Hoàn cảnh sáng tác: được viết trong thời kì đầu kháng chiến chống Pháp
- Thể loại: truyện ngắn
- Ngôi kể: ngôi thứ ba

II. ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

1. Tâm trạng nhân vật ông Hai trước khi nghe tin làng theo giặc

- Khoe về làng: giàu và đẹp, lát đá xanh, có nhà ngói san sát sầm uất như tỉnh, phong trào cách mạng diễn ra sôi nổi, chòi phát thanh cao bằng ngọn tre,...
- Nhớ làng, nhớ kháng chiến sâu sắc: “Ông lại nghĩ ... vui thế”; “ông lão lại thấy náo nức ... khuôn đá”; “Chao ôi! Ông lão nhớ làng, nhớ cái làng quá”
- Tự hào về làng khi nghe tin tức từ phòng thông tin:
 - Một em nhỏ xung phong bơi ra giữa hồ Hoàn Kiếm cắm quốc kỳ lên tháp Rùa
 - Đội nữ du kích Trưng Trắc bắt sống một tên quan hai bắt

- Anh trung đội trưởng giết được bảy tên giặc

→ Nghệ thuật: từ ngữ biểu cảm, miêu tả nội tâm, câu cảm thán, phép liệt kê, độc thoại nội tâm và sử dụng ngôn ngữ quần chúng, chân thực tự nhiên, giản dị

2. Tâm trạng nhân vật ông Hai khi nghe tin làng theo giặc

Thời điểm	Dẫn chứng	Tâm trạng
Lúc bắt đầu nghe tin	“Cổ lão nghẹn ắng hẳn lại ... không thở được” “Một lúc lâu ... lạc đi”	Bàng hoàng, sững sờ
Trên đường về nhà	Lảng sang chuyện khác Cúi gằm mặt mà đi	Nỗi xấu hổ xâm chiếm
Về đến nhà	Nằm vật ra giường Nhìn lũ con thấy tủ thân, nước mắt giàn ra Rít lên chửi bọn phản bội	Tủi hỏ, nhục nhã
Mấy ngày sau	“Không dám đi đâu ... nín thít”	Nỗi ám ảnh nặng nề → nỗi sợ hãi
Khi chủ nhà có ý đuổi đi	Đấu tranh: -Về làng: phản bội cụ Hồ, phản bội kháng chiến; làm nô lệ -Ở lại: không ai cho ở, bị đuổi “Làng thì yêu thật ... phải thù”	Đấu tranh nội tâm trong tình thế bế tắc, tuyệt vọng
Khi trò chuyện cùng con	Con là con ai? Nhà con ở đâu? Con ủng hộ ai?	Tình yêu làng sâu nặng, thủy chung, gắn bó với kháng chiến

→ Miêu tả cụ thể, tinh tế, sâu sắc những biến động dữ dội trong nội tâm nhân vật

3. Tâm trạng nhân vật ông hai khi nghe tin cải chính

- gương mặt: tươi vui, rạng rỡ; miệng bồm bồm nhai trầu; cặp mắt hung hung đỏ, hấp háy
- Hành động: lật đật đi khoe

- Lời nói: “Tây nó đốt nhà tôi rồi, đốt nhẵn”
- Tâm trạng sung sướng, hả hê
- Tình yêu đất nước đặt lên trên lợi ích của gia đình và bản thân

III. TỔNG KẾT

Ghi nhớ/SGK/174

LẶNG LỄ SA PA

I. ĐỌC – HIỂU CHÚ THÍCH

1. Tác giả Nguyễn Thành Long (1925 – 1991)

2. Tác phẩm

- Hoàn cảnh sáng tác: là kết quả của chuyến đi Lào Cai năm 1970
- Thể loại: truyện ngắn
- Ngôi kể: ngôi thứ ba
- Điểm nhìn: ông họa sĩ

II. ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

1. Nhân vật anh thanh niên

- Hoàn cảnh sống:
 - Một mình trên đỉnh núi cao
 - Quanh năm sống với mây núi và cỏ cây.

→ Cái gian khổ nhất là phải vượt qua được sự cô đơn, vắng vẻ, quanh năm suốt tháng một mình trên đỉnh núi cao không một bóng người.

- Công việc:
 - Đo gió, đo mưa, đo nắng, tính mây.
 - Đo chấn động mặt đất, báo trước thời tiết hàng ngày, phục vụ sản xuất, phục vụ chiến đấu.

→ Công việc ấy đòi hỏi phải tỉ mỉ, chính xác và có tinh thần trách nhiệm cao.

- Lòng yêu nghề
- Công việc thầm lặng ấy có ích cho cuộc sống, cho mọi người.

→ Anh ý thức được công việc mình đang làm.

- Suy nghĩ:
 - Khi ta làm việc, ta với công việc là đôi, sao gọi là một mình được.
 - Hướng chỉ công việc của cháu gắn liền với công việc của bao anh em, đồng chí dưới kia.

- Công việc của cháu gian khổ thế đấy, chứ cất nó đi, cháu buồn đến chết mất.

→ Anh có những suy nghĩ thật đúng và sâu sắc về công việc đối với cuộc sống con người.

- Đời sống sinh hoạt:

- Trồng hoa
- Nuôi gà.
- Tự học và đọc sách

→ Anh tự sắp xếp cuộc sống một mình ở trạm khí tượng thật ngăn nắp, chủ động.

- Tính cách: cởi mở, chân thành, quý trọng tình cảm của mọi người, khiêm tốn, thành thực.

→ Chỉ bằng một số chi tiết và chỉ xuất hiện trong khoảnh khắc của truyện, tác giả đã phác họa chân dung anh thanh niên với những nét đẹp về tinh thần, tình cảm, cách sống và những suy nghĩ về cuộc sống, về ý nghĩa của công việc.

2. Những nhân vật khác

2.1 Ông họa sĩ

- Ông họa sĩ đã quan sát và miêu tả từ cảnh thiên nhiên đến nhân vật chính của truyện – anh thanh niên
- Ông khát khao tìm đối tượng nghệ thuật
- Muốn ghi lại hình ảnh anh thanh niên bằng nét bút kí họa

→ Những cảm xúc, suy tư của ông họa sĩ về người thanh niên làm cho anh trở nên sáng đẹp và chứa đựng chiều sâu tư tưởng

2.2 Cô kĩ sư

- Cô hiểu thêm về cuộc sống
- Hiểu được con đường mà cô chọn, cô đang đi tới – lên công tác ở miền núi

2.3 Bác lái xe

- Qua lời kể của bác mà mọi người biết được sơ lược về anh thanh niên và nổi thêm được gặp người của anh

→ Thông qua những cảm xúc, suy nghĩ, thái độ của những nhân vật phụ, hình ảnh anh thanh niên hiện ra càng rõ nét và đẹp hơn

III. TỔNG KẾT

Ghi nhớ/SGK/189

ÔN TẬP TIẾNG VIỆT

(Hướng dẫn học sinh tự học)

A. Hướng dẫn học sinh tự học

NỘI DUNG	GHI CHÚ				
Hoạt động 1: <i>Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu.</i>	<u>Yêu cầu cần đạt:</u> Khái quát một số kiến thức Tiếng Việt đã học về phương châm hội thoại, xưng hô trong hội thoại, lời dẫn trực tiếp và lời dẫn gián tiếp. Vận dụng kiến thức Tiếng Việt vào giao tiếp hợp lí, hiệu quả.				
	<u>Hoạt động</u>				
	- Em hãy điền những nội dung phù hợp vào bảng sau:				
		Phân loại	Khái niệm	Đặc điểm	Lưu ý
	Các phương châm hội thoại	PC về lượng			
		PC về chất			
		PC quan hệ			
PC cách thức					
PC lịch sự					
Xưng hô trong hội thoại					
Cách dẫn	Trực tiếp				
	Gián tiếp				
Hoạt động 2: <i>Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học</i>	Em hãy viết đoạn văn ngắn (8-10 câu) kể về một chuyện đáng nhớ của em, trong đó có vận dụng một trong những đơn vị tiếng Việt đã liệt kê. Chỉ ra yếu tố mà em sử dụng.				

B. Thắc mắc của học sinh

MÔN HỌC	NỘI DUNG HỌC TẬP	CÂU HỎI CỦA HỌC SINH
Ngữ văn	Mục	

TRƯỜNG THCS CHI LĂNG

TỔ NGŨ VĂN

NỘI DUNG BÀI HỌC TRỰC TUYẾN

(Tuần 12 từ 22/11 đến 26/11)

KHỐI 9

CHIẾC LƯỢC NGÀ

I. ĐỌC – HIỂU CHÚ THÍCH

1. Tác giả Nguyễn Quang Sáng (1932 – 2014)

2. Tác phẩm

- Hoàn cảnh sáng tác: tác phẩm được viết năm 1966 khi tác giả hoạt động trên chiến trường Nam Bộ
- Xuất xứ: đoạn trích là phần giữa của truyện cùng tên
- Thể loại: truyện ngắn
- Ngôi kể: ngôi thứ ba

II. ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

1. Hoàn cảnh gia đình bé Thu và ông Sáu

- Đất nước có chiến tranh, ông Sáu đi kháng chiến suốt tám năm chưa được về, chỉ biết mặt con qua tấm ảnh nhỏ
- Thu chưa biết mặt ba, chưa được gọi tiếng “ba”

→ Khao khát được gặp nhau, được gọi và nghe một tiếng “ba”

2. Thái độ và hành động của bé Thu và ông Sáu

Thời điểm	Thái độ và hành động của ông Sáu	Thái độ và hành động của bé Thu
Lần đầu gặp gỡ	- “Với lòng mong nhớ ... cổ anh” - Bước vội những bước dài, gọi con, kho, người đưa tay đón chờ con → Hạnh phúc khi được gặp con, khao khát được ôm con và nghe con gọi tiếng “ba” - Mặt sầm lại, hai tay buông xuống như bị gãy → Hụt hẫng, bất ngờ, buồn tủi	- Giật mình, tròn mắt nhìn - Hoảng hốt, tái mặt đi, vụt chạy và kêu thét lên → Ngạc nhiên, bất ngờ, sợ hãi bởi em không nhận ra ba
Trong ba ngày nghỉ phép của ông Sáu	- Chăng đi đâu xa, lúc nào cũng vỗ về con - Mong con gọi “ba” → Yêu thương con - Khi con nói trống: vừa khe khẽ lắc đầu, vừa cười, ngồi im → Đau lòng, khao khát nghe con gọi “ba”	- Ông Sáu càng quan tâm, em càng đẩy ra - Nói trống: “vô ăn cơm”, “cơm chín rồi”, “chất nước giùm cái” → Kiên quyết không chịu gọi tiếng “ba”, không thừa nhận ông Sáu là ba mình

Trong bữa cơm đoàn tụ gia đình	- Gắp trứng cá để vào chén con → Quan tâm, chăm sóc con - Đánh và hét lên: “Sao mày cứng đầu quá vậy” → Đánh con vì bất lực, vì quá yêu con mà con không nhận ba	- Hắt trứng cá xuống - Gắp lên – không khóc khi bố đánh - Bỏ sang ngoài → Hành động mạnh mẽ, cương quyết tưởng như vô lễ nhưng lại rất đáng thương → Thái độ căm ghét cao độ người đàn ông lạ dám nhận là ba em → Cô bé có cá tính mạnh mẽ, có tình yêu ba sâu đậm
Buổi sáng ông Sáu lên đường về đơn vị	- Ôm con, hôn lên mái tóc con - Khóc khi Thu nhận ra ông → Niềm sung sướng mà ông Sáu đã chờ đợi từ lâu	- Đứng ở góc nhà, vẻ mặt buồn rầu, nhìn với vẻ nghĩ ngợi → Thái độ thay đổi, muốn nhận ba nhưng còn e ngại - Kêu thét lên “Ba...a...a...ba” - Vừa kêu vừa chạy xô tới, ôm chặt lấy cổ - Hôn ba - Hai tay siết chặt, run run

		- Ôm chằm, meo máo “Ba về! Ba mua cho con một cây lược nghe ba” → Tình yêu ba, tiếng gọi cháy bỏng và mãnh liệt từ đáy lòng → Tình yêu ba xem lẫn sự hối hận
Ở chiến trường	- Nhớ con, ân hận vì đánh con - Tìm được khúc ngà, thận trọng tỉ mỉ, khắc từng nét “Yêu nhớ tặng Thu con của ba” → Ân hận, nhớ thương con - Khi bị bắn: đưa cây lược cho đồng đội và chờ khi đồng đội nhận lời chuyển cho Thu mới nhắm mắt → Yêu thương con hết mực, khao khát ở bên con	

→ Miêu tả diễn biến tâm lý nhân vật tinh tế

III. TỔNG KẾT

Ghi nhớ/SGK/202

ÔN TẬP VĂN HỌC

I. ÔN TẬP VĂN HỌC TRUNG ĐẠI

THỂ LOẠI	TÊN VĂN BẢN	THỜI GIAN	TÁC GIẢ	NÉT CHÍNH VỀ NỘI DUNG VÀ NGHỆ THUẬT
Văn xuôi	Chuyện người con gái Nam Xương – trích Truyền kỳ mạn lục	Thế kỷ 16	Nguyễn Dữ	Thông cảm với số phận oan nghiệt và vẻ đẹp truyền thống của người phụ nữ Nghệ thuật kể chuyện, miêu tả nhân vật,...
	Hoàng Lê nhất thống chí (trích)	Đầu thế kỷ 19	Ngô Gia Văn Phái	Ca ngợi chiến công của Nguyễn Huệ, sự thất bại của quân Thanh Nghệ thuật viết tiểu thuyết chương hồi kết hợp miêu tả và tự sự
Truyện thơ	Truyện Kiều (trích)	Đầu thế kỉ 19	Nguyễn Du	Bức tranh hiện thực xã hội bất công, tiếng nói thương cảm trước số phận bi kịch con người, tiếng nói lên án, tố cáo, ... Miêu tả nội tâm nhân vật, ngôn ngữ ước lệ tượng trưng; Nghệ thuật tự sự; Thơ lục bát
	Lục Vân Tiên (trích)	Giữa thế kỉ 19	Nguyễn Đình Chiểu	Vẻ đẹp nhân nghĩa và sức mạnh người anh hùng qua giọng văn và cách biểu cảm của tác giả

II. ÔN TẬP VĂN HỌC HIỆN ĐẠI

THỂ LOẠI	TÊN VĂN BẢN	THỜI GIAN	TÁC GIẢ	NÉT CHÍNH VỀ NỘI DUNG VÀ NGHỆ THUẬT
Truyện ngắn	Làng	1948	Kim Lân	Tình yêu quê hương đất nước của những người phải đi tản cư. Tình huống truyện độc đáo, hấp dẫn. Nghệ thuật miêu tả tâm lí nhân vật
	Chiếc lược ngà	1966	Nguyễn Quang Sáng	Tình cảm cha con sâu đậm, đẹp đẽ trong cảnh ngộ éo le của chiến tranh. Cách kể chuyện hấp dẫn, kết hợp với miêu tả và bình luận.
	Lặng lẽ Sa Pa	1970	Nguyễn Thành Long	Vẻ đẹp của người thanh niên với công việc thầm lặng. Tình huống truyện hợp lí, kể chuyện tự nhiên. Kết hợp tự sự với trữ tình và bình luận
Thơ	Đồng chí	1948	Chính Hữu	Tình đồng chí tạo nên sức mạnh đoàn kết, thương yêu, chiến đấu; Lời thơ giản dị, hình ảnh chân thực.
	Bếp lửa	1963	Bằng Việt	Những kỉ niệm tuổi thơ về người bà, bếp lửa và nỗi nhớ quê hương da diết. Giọng thơ truyền cảm, da diết; hình ảnh thơ chân thực giàu sức biểu cảm

	Bài thơ về tiểu đội xe không kính	1969	Phạm Tiến Duật	Những gian khổ hy sinh và niềm lạc quan của người lính lái xe. Lời thơ giản dị, tự nhiên dễ đi vào lòng người.
	Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ	1971	Nguyễn Khoa Điềm	Tình yêu con gắn với tình yêu quê hương đất nước và tinh thần chiến đấu của người mẹ Tà-ôi. Giọng thơ ngọt ngào, trù mền, giàu nhạc tính.
	Ánh trăng	1978	Nguyễn Duy	Nhắc nhở về những năm tháng gian lao của người lính, nhắc nhở thái độ sống uống nước nhớ nguồn. Giọng thơ tâm tình, tự nhiên, hình ảnh giàu sức biểu cảm.

TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG THUYẾT TRÌNH VỀ NHỮNG VẤN ĐỀ XÃ HỘI

I. CHUẨN BỊ

HS chia nhóm, chuẩn bị phân đàn ý cho các đề tài:

- Nhóm 1,2: Vấn đề ô nhiễm môi trường
- Nhóm 3,4: Dịch Covid – 19

Gợi ý lập dàn ý:

Vấn đề ô nhiễm môi trường

1. Mở bài

- Giới thiệu vấn đề sẽ trình bày

2. Thân bài

- **Giải thích:** Ô nhiễm môi trường là hiện tượng môi trường sống thiếu trong lành, bị nhiễm các chất độc hại tác động lớn đến đời sống

- **Thực trạng:**

- + Nhiều khu dân cư rác thải chất thành đống
 - + Nước thải nước ngầm từ các nhà máy xí nghiệp đổ ra sông, ra biển gây ô nhiễm nguồn nước
 - + Khói bụi, xe cộ tập nập
 - + Nhiều khu vệ sinh công cộng nhiễm bẩn kinh khủng
- **Nguyên nhân:**
- + Ý thức kém của người dân
 - + Công tác quản lý của nhà nước chưa được thắt chặt
 - + Người dân sử dụng các loại thuốc trừ sâu, thuốc kích thích, trong trồng trọt và chăn nuôi
 - + Các nhà máy vì lợi nhuận mà xả thải bừa bãi, bỏ qua khâu xử lý chất thải

- **Hậu quả:**

- + Ảnh hưởng sức khỏe, mỹ quan

- + Sinh vật bị mất môi trường sống
- + Hiện tượng biến đổi khí hậu cũng trở nên cấp thiết

- Giải pháp khắc phục:

- + Nâng cao ý thức người dân
- + Quản lý chặt chẽ, nghiêm túc
- + Phương tiện xử lý rác thải hiệu quả, tránh đề tình trạng rác ứ đọng
- + Sử dụng phương tiện công cộng

3. Kết bài

- Khẳng định lại vấn đề + Liên hệ bản thân

II. THUYẾT TRÌNH

- HS các nhóm trình bày, đánh giá và nhận xét lẫn nhau theo thang đánh giá đính kèm sau đó GV nhận xét và chốt

THANG ĐÁNH GIÁ SẢN PHẨM THUYẾT TRÌNH

Nhóm đánh giá:

THANG ĐÁNH GIÁ SẢN PHẨM

Hướng dẫn: Hãy ghi lại mức độ đạt được của từng nhóm đối với từng tiêu chí sau đây. Với mỗi tiêu chí hãy khoanh tròn vào con số thể hiện mức độ đạt được tiêu chí, cụ thể:

- Mức 1: Kém
- Mức 2: Yếu
- Mức 3: Trung bình
- Mức 4: Khá
- Mức 5: Tốt

	NHÓM					NHÓM					NHÓM				
A. Phong thái trình bày															
4. Lời mở đầu thu hút	5	4	3	2	1	5	4	3	2	1	5	4	3	2	1
5. Trình bày lưu loát, mạch lạc, thuyết phục	5	4	3	2	1	5	4	3	2	1	5	4	3	2	1
6. Giọng nói to, rõ, tự tin	5	4	3	2	1	5	4	3	2	1	5	4	3	2	1
7. Có sự tương tác với người nghe	5	4	3	2	1	5	4	3	2	1	5	4	3	2	1
8. Lời kết thúc ấn tượng	5	4	3	2	1	5	4	3	2	1	5	4	3	2	1
B. Nội dung															
9. Mở bài: Giới thiệu hiện tượng cần trình bày; ý kiến rõ ràng, dễ hiểu	5	4	3	2	1	5	4	3	2	1	5	4	3	2	1
10. Đưa ra được các luận điểm chính theo trình tự hợp lý: - Trình bày thực trạng của hiện tượng - Nêu nguyên nhân của hiện tượng - Nêu lợi ích/tác hại của hiện tượng - Biện pháp phát huy/khắc phục hiện tượng	5	4	3	2	1	5	4	3	2	1	5	4	3	2	1
11. Luận điểm được chứng minh bằng những bằng chứng tiêu biểu, phong phú	5	4	3	2	1	5	4	3	2	1	5	4	3	2	1
12. Bằng chứng được phân tích để làm rõ cho luận điểm nhằm tăng tính thuyết phục	5	4	3	2	1	5	4	3	2	1	5	4	3	2	1
13. Trình bày ý kiến, nhận xét của bản thân về hiện tượng	5	4	3	2	1	5	4	3	2	1	5	4	3	2	1
14. Mở rộng vấn đề	5	4	3	2	1	5	4	3	2	1	5	4	3	2	1
15. Rút ra bài học phù hợp cho bản thân và mọi người	5	4	3	2	1	5	4	3	2	1	5	4	3	2	1
16. Đưa ra lời kêu gọi hành động	5	4	3	2	1	5	4	3	2	1	5	4	3	2	1
17. Kết bài: Tóm lược được các ý chính đã trình bày	5	4	3	2	1	5	4	3	2	1	5	4	3	2	1

KIỂM TRA PHẦN TIẾNG VIỆT

(Hướng dẫn học sinh tự học)

A. Hướng dẫn học sinh tự học

NỘI DUNG	GHI CHÚ
Hoạt động 1: <i>Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu.</i>	<u>Yêu cầu cần đạt:</u> Kiểm tra lại kiến thức tiếng Việt đã học; vận dụng khi viết đoạn văn, bài văn <u>Hoạt động</u> - Em hãy làm các đề luyện tập 1,2,3,4,5 (SGK/204) - Viết một đoạn văn (10-12 câu) chủ đề tự do, trong đó có sử dụng ít nhất 01 phép tu từ đã học và một câu có lời dẫn trực tiếp
Hoạt động 2: <i>Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học</i>	

B. Thắc mắc của học sinh

MÔN HỌC	NỘI DUNG HỌC TẬP	CÂU HỎI CỦA HỌC SINH
Ngữ văn	Mục	

BÀI VIẾT TẬP LÀM VĂN SỐ 3

(Hướng dẫn học sinh tự học)

A. Hướng dẫn học sinh tự học

NỘI DUNG	GHI CHÚ
Hoạt động 1: <i>Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu.</i>	<u>Yêu cầu cần đạt:</u> Biết vận dụng những kiến thức đã học để thực hành viết một bài văn tự sự có sử dụng yếu tố miêu tả nội tâm và nghị luận. Rèn luyện kỹ năng diễn đạt, trình bày, đưa yếu tố nghị luận đối thoại độc thoại và độc thoại nội tâm trong văn bản tự sự. Ý thức viết bài trung thực, độc lập, cố gắng trong sáng tạo. <u>Hoạt động</u> - Em hãy đọc và thực hiện đề 1 (SGK/191) Đề bài: Em hãy kể về một lần em trót xem nhật ký của bạn Yêu cầu: + Làm ra giấy đôi, có kẻ ô điểm – lời phê + Kiểu văn bản: tự sự kết hợp yếu tố miêu tả, nghị luận, đối thoại, độc thoại + Nội dung: kể về một lần trót xem nhật ký của bạn
Hoạt động 2: <i>Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học</i>	

B. Thắc mắc của học sinh

MÔN HỌC	NỘI DUNG HỌC TẬP	CÂU HỎI CỦA HỌC SINH
Ngữ văn	Mục	